

## THÀNH PHẦN LOÀI CỦA BỘ NẤM CANTHARELLALES Ở VÙNG TÂY NGUYÊN

LÊ BÁ DŨNG

Trường đại học Đà Lạt

Bộ nấm Cantharellales sống hoại sinh trên đất, nơi giàu mùn, giàu ánh sáng hoặc hoại sinh trên gỗ; chúng có ý nghĩa quan trọng đối với vòng tuần hoàn vật chất tự nhiên. Các loài nấm thuộc bộ này thường không độc đối với con người và một vài loài có thể dùng làm thực phẩm.

Tình hình nghiên cứu khu hệ nấm lớn ở Việt Nam nói chung và bộ nấm Cantharellales nói riêng hầu như còn ít [3, 4, 5, 10, 12, 13, 14].

Vùng Tây Nguyên gồm 4 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và Lâm Đồng, có địa hình bị phân cắt nhiều bởi các dãy núi khác nhau với độ cao trung bình từ 400-2200 m so với mặt biển và có khí hậu được chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Lượng mưa trung bình năm khá lớn, từ 1500-3600 mm; khoảng 95% lượng mưa được đổ xuống vào mùa mưa. Nhiệt độ trung bình năm ở các khu vực có độ cao 500-800 m dao động trong khoảng 21-23°C, còn ở các khu vực có độ cao lớn hơn, trung bình từ 18-21°C. Độ ẩm trung bình từ 80-86%. Thảm thực vật của vùng Tây Nguyên rất phong phú và đa dạng, bao gồm rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng hỗn giao lá kim lá rộng và rừng tre nứa, ... [1].

Các điều kiện tự nhiên trên đây rất thuận lợi cho sự phát triển của nấm lớn nói chung và bộ

nấm Cantharellales nói riêng.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mẫu vật được thu thập tại các địa điểm khác nhau của vùng Tây Nguyên, trên các dãy núi, các bình nguyên, các loại hình rừng, ... Tất cả mẫu vật được lưu trữ tại Phòng thí nghiệm thực vật của Trường đại học Đà Lạt. Mẫu vật được phân tích theo phương pháp của R. Singer (1962), Teng (1964), Trịnh Tam Kiệt (1981), ... Để định loại, chúng tôi dùng phương pháp giải phẫu - hình thái so sánh trên cơ sở các tư liệu của Iatrevskii (1913), Kuhner et Romagnesi (1953), Teng (1964), Trịnh Tam Kiệt (1981, 1986), ...

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các loài nấm thuộc bộ Cantharellales thường sống hoại sinh trên đất, nơi giàu tàn dư thực vật và sống hàng năm. Quả thể dạng loa kèn hoặc dạng lưới bò với cuống ngắn, màu sắc sặc sỡ, chất thịt dễ thối rữa. Bào tử thường dạng gân phân nhánh hoặc dạng đường mờ hoặc dạng ống rời nhau. Bào tử màu vàng hay vàng nhạt, với màng không nhăn bóng. Bộ nấm Cantharellales ở vùng Tây Nguyên có 6 loài thuộc 3 chi, 2 họ.

#### DANH LỤC CÁC LOÀI NẤM THUỘC BỘ CANTHARELLALES Ở VÙNG TÂY NGUYÊN

STT	Tên khoa học	Sinh cảnh			Ý nghĩa	
		Rừng lá kim	Rừng lá rộng	Rừng hỗn giao	Thực phẩm	Độc
I	Họ Fistulinaceae					
	Chi <i>Fistulina</i>					
1	<i>Fistulina hepatica</i> Schaeff. ex Fr.		*		*	
II	Họ Cantharellaceae					
	Chi <i>Craterellus</i> Pers.					
2	<i>Craterellus lutescens</i> Pers.	*	*	*	Chưa rõ ràng	
	Chi <i>Cantharellus</i> Jusseus					

3	<i>Cantharellus cibareus</i> Fr.	*	*	*	*	
4	<i>Cantharellus muscigenus</i> Fr.			*	*	
5	<i>Cantharellus tubaeformis</i> Fr.		*	*	*	
6	<i>Cantharellus infundibuliformis</i> Fr.		*			Chưa rõ ràng

## Họ Fistulinaceae

### Chi *Fistulina*

1. *Fistulina hepatica* Schaeff.ex Fr. Syst. Myc. I(18821)

Quả thể dạng lưới bò, màu đỏ tía, chất thịt, phị nước, với bào tầng dạng ống rời nhau, không cuống hay cuống rất ngắn, kích thước: đường kính 10-30 cm, rộng 8-10 cm, dày 3-6 cm. Mặt trên quả thể khi non màu vàng da cam, sau đó chuyển sang màu đỏ máu, nâu gan gà và cuối cùng chuyển thành màu đen, nhầy nhớt khi ẩm ướt, lớp da mặt mũ mỏng khó tách rời khỏi thịt nấm. Thịt nấm mềm, phị nước, khi bị thương tiết dịch màu đỏ máu đặc quánh, màu hồng, dày 2,5-5,0 mm, mùi thơm dịu, vị ngọt. Bào tầng dạng ống rời nhau, dài từ 5-10 mm, khi non bào tầng có dạng u lồi, sau đó dài dần ra, đầu tiên đóng kín, về sau mới mở ra ở phần đầu tạo thành ống nấm. Bào tầng màu vàng nhạt khi còn non, khi già màu nâu đỏ. Bụi bào tử màu cà phê sữa. Bào tử hình elip hay hình trứng, kích thước 3,0-4,0 × 4,0-5,5 μm; màng mỏng, một lớp, nhẵn bóng; nội chất trong suốt, không màu hay màu hồng nhạt hoặc màu vàng nhạt.

Nấm thường ký sinh trên cây họ Sồi-Dẻ hoặc hoại sinh trên gỗ của chúng, gây mục gỗ màu nâu. Ở vùng Tây Nguyên, thường mọc từ tháng 6 tới tháng 11 hàng năm. Nấm được dùng làm thực phẩm, song rất hiếm gặp, cần được bảo vệ.

## Họ Cantharellaceae

### Chi *Craterellus* Ters

2. *Craterellus lutescens* Pers

Quả thể dạng loa kèn, cao 3-4 cm, đường kính loa kèn không rộng quá 1,8 cm. Bào tầng (mặt ngoài quả thể) phẳng nhẵn, màu vàng. Mặt trong quả thể phẳng nhẵn, màu vàng rom, khô, không đường nứt, không nhầy nhớt. Thịt nấm màu vàng, giòn, dày dưới 1 mm. Cuống nấm (gốc loa kèn) ngắn, đường kính 0,2-0,6 cm, màu sắc giống màu mũ nấm. Bào tử hình elip, kích thước 6,0-6,5 × 7,5-8,5 μm; màng bào tử phẳng

nhẵn, 1 lớp; nội chất không màu hay màu vàng nhạt, hầu như trong suốt.

Nấm mọc thành cụm liền chân, trên đất nơi giàu mùn và giàu ánh sáng.

Là loài mới cho khu hệ nấm lớn của vùng Tây Nguyên và cũng có thể là loài mới cho khu hệ nấm lớn của Việt Nam.

### Chi *Cantharellus* Jusseus

3. *Cantharellus cibarius* Fr.

Quả thể chất thịt mềm, dạng phễu dễ nát. Mũ nấm dạng loa kèn, dày, khi non cuộn vào trong, hơi lồi lên, khi trưởng thành dạng loa kèn, mép mũ lượn sóng, có khi tạo thành thùy nhỏ, kích thước 3-10 cm, màu vàng. Thịt nấm màu vàng hay xám nhạt, dễ nát, có mùi dễ chịu, dày 2-3 mm. Bào tầng dạng gân, phân nhánh không theo quy luật, các gân nối với nhau, men xuống cuống, màu vàng. Cuống nấm ngắn, thô, kích thước 0,8-1,7 × 2,0-5,0 cm, chất thịt, đặc, chắc dạng thớ sợi, phía trên hơi loe rộng. Bụi bào tử màu vàng. Bào tử hình elip thót một đầu, kích thước 4,0-6,5 × 6-9 μm; màng nhẵn; nội chất màu vàng.

Nấm thường mọc thành cụm liền chân hay rời chân trên đất rừng lá rộng hay rừng hỗn giao lá kim lá rộng, nơi giàu mùn ở cả bốn tỉnh Tây Nguyên. Nấm được dùng làm thực phẩm nhưng hiếm gặp.

4. *Cantharellus muscigenus* Fr.

Quả thể chất thịt, có mũ và cuống hoàn chỉnh. Mũ nấm dạng phễu lệch hay gân dạng quạt, kích thước 2-3 cm, màu xám đen, mép mũ sắc cạnh, lượn sóng và màu trắng hay xám. Thịt nấm mềm, dễ nát, dày dưới 1 mm, màu xám vàng. Bào tầng dạng gân phân nhánh không theo quy luật, men dần xuống cuống. Cuống nấm chất thịt hay chất bì dai, màu xám đen, kích thước 0,8-1,0 × 3,0-3,5 cm. Đám đơn bào, hình chùy dài, trên đám có 4 cuống mang bào tử. Trên bào tầng không có liệt bào, gai nhọn. Bào tử gân hình cầu hay hình trứng, kích thước 5,0-6,0 × 5,5-7,0 μm; màng dày có gai nhỏ; nội chất

màu vàng nhạt. Bột bào tử màu vàng.

Nấm mọc thành cụm trên đất rừng hỗn giao lá kim - lá rộng, nơi giàu mùn ở vùng nam Tây Nguyên. Nấm được dùng làm thực phẩm, nhưng hiếm gặp.

#### 5. *Cantharellus tubaeformis* Fr.

Quả thể chất thịt mềm, dễ nát, có cuống và mũ hoàn chỉnh. Mũ nấm dạng phễu sâu, mép mũ sắc cạnh, gợn sóng, kích thước 5-7 cm chiều rộng, 10-12 cm chiều cao, mặt mũ khô, có nhiều u lồi nhỏ, màu vàng da bò. Bào tầng dạng phiến phân nhánh, men xuống cuống, cùng màu với mặt mũ. Cuống nấm ngắn, hơi loe rộng phía trên, kích thước 2-3 × 0,5-0,9 cm, mặt cuống màu vàng da bò, có vẩy lớn, đặc, chắc. Bụi bào tử màng vàng bản. Bao tử hình bầu dục, kích thước 8-9 × 11-14 μm; màng một lớp, gồ ghề; nội chất chứa nhiều hạt nhỏ, màu vàng nhạt. Đám đơn bào, hình chùy dài; màng mỏng; nội chất chứa nhiều hạt nhỏ màu vàng nâu, trên đám mang 4 cuống mang bào tử.

Nấm mọc thành cụm rời cuống trên đất rừng lá rộng hay rừng hỗn giao ở vùng nam Tây Nguyên, vào tháng 5 tới tháng 11. Nấm được dùng làm thực phẩm.

#### 6. *Cantharellus infundibuliformis* Fr.

Quả thể hình con quay, cao 4-6 cm, chất thịt dai. Mũ nấm dạng phễu, mặt trên màu vàng rơm, có vẩy nhỏ, mép sắc cạnh, đường kính 1-2 cm. Thịt nấm màu vàng hay vàng ôliu, dày 1,0-1,5 cm, chất thịt dai. Bào tầng dạng phiến hẹp giống như những đường gờ song song, mỗi milimét có 2 phiến, men nhanh vào cuống nấm. Cuống nấm hình trụ, gốc cuống hơi thót lại, kích thước 0,3-0,9 × 2,0-2,5 cm, đặc, chắc, màu của cuống giống màu mũ nấm, trên cuống có nhiều vẩy nhỏ. Hệ sợi monomitric, chỉ một loại sợi không vách ngăn ngang, màu vàng nhạt, trong suốt, kích thước 2,7-3,5 μm. Bào tử hình bầu dục, kích thước 2,5-3,0 × 3,0-3,5 μm; màng một lớp mỏng nhẵn bóng; nội chất màu vàng nhạt, có 1 hạt lớn ở trung tâm. Bụi bào tử màu vàng. Đám đơn bào, hình chùy, không màu, trong suốt, kích thước 7,8-9,5 × 15-18 μm.

Nấm mọc thành cụm liền hay rời gốc trên gỗ, gây mục gỗ màu trắng. Chúng thường mọc vào mùa mưa ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng.

### III. KẾT LUẬN

Bộ nấm Cantharellales ở vùng Tây Nguyên có 6 loài thuộc 2 họ. Họ Fistulinaceae có 1 loài: *Fistulina hepatica* Schaeff. ex Fr. Họ Cantharellaceae có 5 loài thuộc 2 chi: Chi *Craterellus* Pers. (1 loài *Craterellus lutescens* Pers.) và chi *Cantharellus* Jusseus (4 loài: *C. cibareus* Fr., *C. muscigenus* Fr., *C. tubaeformis* Fr. và *C. infundibuliformis* Fr.). Loài *Craterellus lutescens* Pers. không chỉ là loài mới cho khu hệ nấm lớn của vùng Tây Nguyên mà còn là loài mới cho khu hệ nấm lớn của Việt Nam. Chúng thường sống hoại sinh trên đất, nơi giàu mùn và hình thành quả thể vào mùa ẩm, ẩm trong năm (từ tháng 5 tới tháng 11).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Iatrevskii A.**, 1913: Obradelitel gribov, Tom I, Kazal.
2. **Kuhner et Romagnesi**, 1953: Flora analitique des champignons suprieus. Paris.
3. **Lê Bá Dũng**, 1991: Khu hệ nấm họ Paxillaceae vùng Lâm Đông. Thông báo khoa học, Trường đại học Đà Lạt.
4. **Lê Bá Dũng**, 1997: Tạp chí Sinh học, 19(2): 11-14.
5. **Lê Văn Liễu**, 1997: Một số nấm ăn được và nấm độc ở rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
6. **Nguyễn Văn Chiểu**, 1985: Tây Nguyên - Các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. **Nguyễn Văn Diễm**, 1965: Tạp chí Sinh vật - Địa học, 4(4): 248-252.
8. **Ryvarden L. and Johanen I.**, 1980: A preliminary polypore flora of East Africa. Fungiplora, Oslo, Norway.
9. **Singer R.**, 1962: The Agaricales in Modern Taxonomy 2a, Ed. Weiheim, J. Cramer.
10. **Trần Văn Mão**, 1993: Góp phần nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm sinh học một số loài nấm lớn phá hoại gỗ vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh. Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
11. **Teng**, 1953: Nấm lớn ở Trung Quốc. Bắc Kinh (tiếng Trung Quốc).

12. **Trịnh Tam Kiệt**, 1981: Nấm lớn ở Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
13. **Trịnh Tam Kiệt**, 1986: Danh mục nấm lớn ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
14. **Trịnh Tam Kiệt**, 1998: Feddes repertorium, 109 (3 - 4): 257 - 277. Berlin.

## SPECIES COMPOSITION OF THE ORDER CANTHARELLALES IN TAYNGUYEN, VIETNAM

LE BA DUNG

### SUMMARY

There are 6 species belonging to 3 genera, 2 families *Fistulinaceae* and *Cantharellaceae* of the order *Cantharellales* in Taynguyen - the West Highland of Vietnam. Of the family *Fistulinaceae*, there is 1 species - *Fistulina hepatica* Schaeff. ex Fr. Of the family *Cantharellaceae*, there are 5 species belonging to 2 genera: *Cantharellus* Jusseus with 4 species: *C. cibareus* Fr., *C. muscigenus* Fr., *C. tubaeformis* Fr. and *C. infundibuliformis* Fr. and *Craterellus* Pers. with 1 species: *Craterellus lutescens* Fr. Among them, *Craterellus lutescens* Fr. is a new species for the West Highland macrofungi flora, and also a new species for the macrofungi flora of Vietnam.

*Ngày nhận bài: 16-9-2002*